

Số: 353/2019/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Lại T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Anh **Đỗ M**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lại T và anh Đỗ M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Đỗ P, sinh ngày 21/9/2006 cho chị Lại T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Đỗ H, sinh ngày 24/4/2014 cho anh Đỗ M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Lại T và anh Đỗ M xác nhận vợ chồng có tài sản chung và tự nguyện thoả thuận, đề nghị Tòa án ghi nhận trong quyết định như sau:

Anh Đỗ M được quyền sử dụng toàn bộ nhà và tài sản trong nhà trên thửa đất mang tên Đỗ M tại địa chỉ: Thôn M, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CR746625, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02026 mang tên Đỗ Văn Mừng do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 13/9/2019.

Anh Đỗ M có nghĩa vụ trả cho chị Lại T số tiền chênh lệch tài sản chung vợ chồng do hai bên tự nguyện thỏa thuận là 135.000.000đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t_{ong} ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ_{ược} thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Vay nợ chung*: Các đương sự xác nhận không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lại T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001025 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Đỗ M không phải chịu án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang